

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu Tài chính và Bất động sản với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F1M tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HSG

[Cập nhật công ty]

VND, TLG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi và ưu tiên việc giảm vị thế ngắn hạn về mức an toàn trong trường hợp VNIndex hồi phục sớm lên vùng kháng cự đã đề cập.

06/10/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,128.54	+1.32
VN30	1,139.78	+1.36
HĐTL VN30F1M	1,138.40	+1.64
HNXIndex	230.45	+1.07
HNX30	480.17	+1.83
UPCoM	87.20	+0.47
USD/VND	24,385	-0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.87	-1
Lãi suất qua đêm (%)	1.17	+7
Dầu (WTI, \$)	82.64	+0.40
Vàng (LME, \$)	1,819.59	-0.04



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,128.54 (+1.32%)
KLGD (triệu CP) 586.1 (+14.9%)
GTGD (triệu US\$) 524.7 (-1.8%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu Tài chính và Bất động sản với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung ở VIX (+6.69%), SHB (+1.9%), HPG (+0.2%)

HNXIndex 230.45 (+1.07%)
KLGD (triệu CP) 71.4 (-0.5%)
GTGD (triệu US\$) 54.1 (-3.1%)

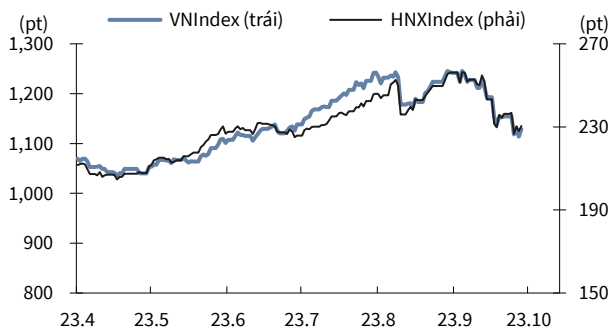
Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kim ngạch xuất khẩu gạo trong 9 tháng 2023 đạt 3.66 tỷ USD, tăng 40.4% so với cùng kỳ năm ngoái. Con số này đã vượt giá trị xuất khẩu gạo cao nhất đã từng đạt được năm 2011 (3.65 tỷ USD). Cổ phiếu ngành lúa gạo tăng giá ở PAN(+3.15%), LTG(+1.09%).

UPCoM 87.20 (+0.47%)
KLGD (triệu CP) 43.6 (-20.8%)
GTGD (triệu US\$) 20.4 (-12.9%)

8 tháng năm nay, xuất khẩu thủy sản tươi sống của Việt Nam sang Trung Quốc đã tăng đột phá 446% so với cùng kỳ năm 2022, giá cũng tăng 184%. Cổ phiếu ngành thủy sản tăng giá ở ANV(+1.87%), VHC(+0.74%).

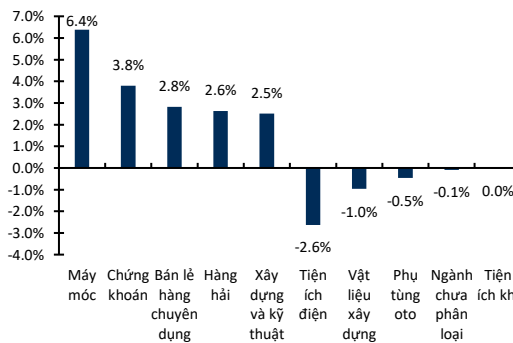
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +5.9

VNIndex & HNXIndex



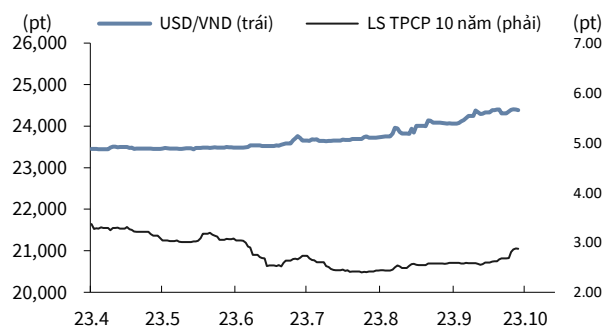
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

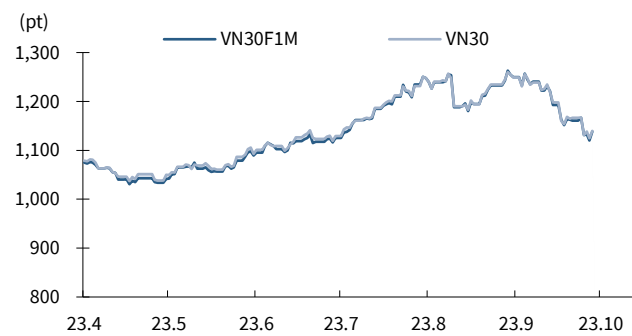
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,139.78 (+1.36%)
VN30F1M	1,138.4 (+1.64%)
Mở cửa	1,122.5
Cao nhất	1,142.7
Thấp nhất	1,120.0

HĐTL VN30F1M tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2310 và VN30 mở cửa tại -2.98 điểm, sau đó lên cao nhất quanh mức 1.95 điểm và đóng cửa tại -1.38 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

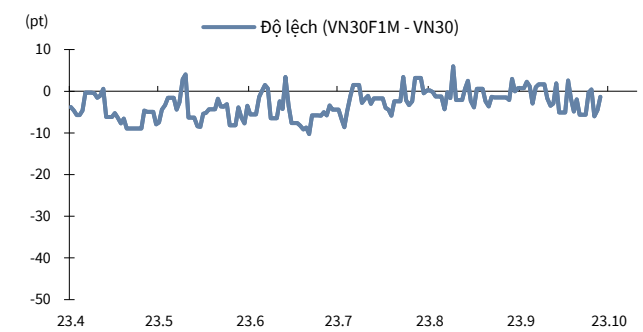
KLGD (HĐ)	241,227 (-3.9%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



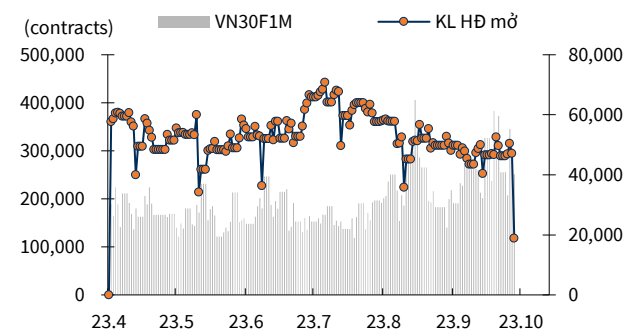
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



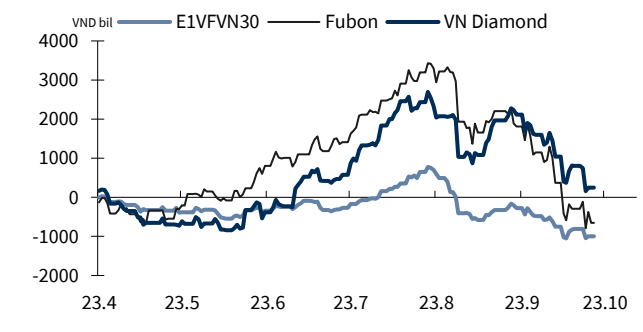
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

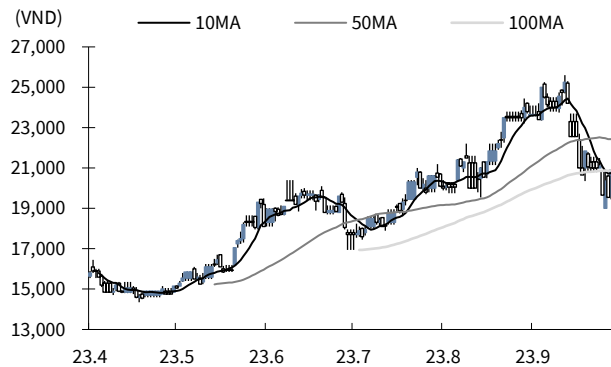
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Chứng khoán VNDIRECT (VND)

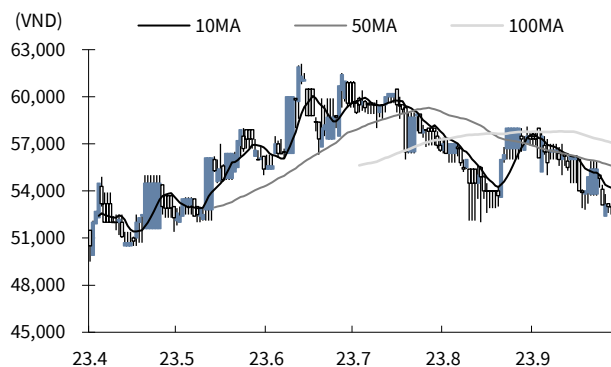


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VND tăng 6.91% lên 20,900 VND/cp

- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect vừa có thông báo lấy ý kiến trái chủ về việc mua lại trái phiếu trước hạn theo đề nghị của tổ chức phát hành là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam. Dự kiến, ngày mua lại trước hạn là 17/10/2023 và giá mua lại sẽ bằng tổng của mệnh giá trái phiếu và lãi cộng dồn chưa thanh toán tính đến ngày giao dịch, cùng các khoản lãi, phí khác phát sinh theo quy định.

CTCP Tập đoàn Thiên Long (TLG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TLG giá đóng cửa giữ nguyên ở mức 53,000 VND/cp

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 8/2023 với doanh thu đạt 293 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 28 tỷ đồng, lần lượt giảm 9% và 30% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, khoản lãi 28 tỷ đồng này cao gấp 3 lần so với con số 9 tỷ đồng ở tháng 7. Lũy kế 8 tháng đầu năm, doanh nghiệp đã mang về 2,511 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm nhẹ so với con số 2,523 tỷ đồng cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ xuất khẩu giảm 1% xuống 600 tỷ đồng.

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG)



Bông sen vàng

Chuyên viên phân tích Nghiên cứu Kỹ Thuật
tienns@kbsec.com.vn

05/10/2023

HSG ghi nhận doanh thu Quý 3 Năm độ tài chính 2022-2023 giảm 29% so với cùng kỳ

Kỳ vọng sản lượng tiêu thụ tôn mạ nội địa phục hồi, kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu kể từ cuối năm 2023 - đầu năm 2024

Biên lợi nhuận gộp cải thiện nhờ giá HRC đầu vào đang duy trì ở mức nền thấp

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 24,700 VND/cổ phiếu

Trong quý 3 NĐTC 2022-2023 HSG ghi nhận doanh thu thuần đạt 8,645 tỷ đồng (-29% YoY), lợi nhuận gộp đạt 892 tỷ đồng (-44% YoY). Sau khi trừ hết tất cả chi phí, lợi nhuận ròng còn lại chỉ khoảng 14 tỷ đồng (-95% YoY) và (-95% QoQ). Biên lợi nhuận gộp theo đó cũng chỉ còn 10.1% (giảm 2.8 điểm % so với quý trước) do giá bán nội địa và xuất khẩu đều giảm.

Chúng tôi kỳ vọng sản lượng tiêu thụ nội địa của HSG sẽ có sự phục hồi đáng kể từ cuối năm 2023 và đầu năm 2024 với các nỗ lực đẩy mạnh hoạt động sản xuất và xây dựng trong nước. Bên cạnh đó kênh xuất khẩu có thể duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định nhờ tập khách hàng rộng khắp và giá bán cạnh tranh hơn so với giá bán của thị trường Mỹ và EU.

Với việc giá HRC liên duy trì mức nền thấp liên tục trong thời gian dài từ giữa năm 2022 sẽ là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp sản xuất thép gia tăng nhập nguyên vật liệu ở mức giá thấp, giúp cải thiện Biên lợi nhuận gộp khi giá bán các sản phẩm thép và tôn mạ tăng trở lại.

Dựa trên những triển vọng về hoạt động kinh doanh cũng như giả định về sản lượng tiêu thụ, của HSG, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho HSG là 24,700 VND/cổ phiếu, tương đương upside 34.9% so với mức giá đóng cửa ngày 05/10/2023

MUA

Giá mục tiêu 24,700 VND/cp

Tăng/giảm (%)	35%
Giá hiện tại (05/10/2023)	18,350
Vốn hoá (tỷ VNĐ)	13,490

Dữ liệu giao dịch

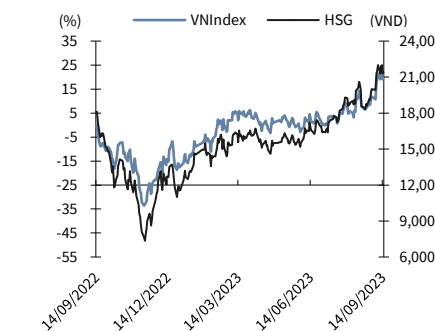
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	85%
GTGD TB 3 tháng (Tỷ VNĐ)	5.98
Sở hữu nước ngoài (%)	20.48%
Cổ đông lớn	Lê Phước Vũ (17.02%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	7	26	34	18
Tương đối	7	18	16	19

Dự phóng KQKD & định giá

	2022	2023	2024	2025
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	56,561	40,695	32,694	38,252
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ)	5,074	-806	899	1,324
LN của CĐ công ty mẹ (tỷ VNĐ)	4,379	-1,068	680	1,038
EPS (VNĐ)	6,974	-1,701	1,082	1,503
Tăng trưởng EPS (%)	184%	-124%	-164%	39%
P/E (x)	4.55	-8.06	26.80	19.30
P/B (x)	1.74	1.77	1.54	1.40
ROE (%)	48%	-10%	6%	9%
Tỷ suất cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, VNIndex dần hồi phục và mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Áp lực bán có phần suy yếu cùng lực cầu bắt đáy gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số sớm hồi phục và để ngỏ cơ hội hình thành mẫu hình hai đáy nhỏ. Tín hiệu này gợi mở khả năng VNIndex sẽ quay lên vùng kháng cự đáng lưu ý quanh 1160 (+-10). Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, chỉ số nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực rung lắc và quay đầu điều chỉnh trở lại sau đó.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi và ưu tiên việc giảm vị thế ngắn hạn về mức an toàn trong trường hợp VNIndex hồi phục sớm lên vùng kháng cự đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1174 – 1179

Kháng cự gần: 1159 – 1163

Hỗ trợ gần: 1131 – 1134

Hỗ trợ xa: 1122 – 1127

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, F1 dần hồi phục và mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Áp lực bán có phần suy yếu cùng lực cầu gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số sớm hồi phục và để ngỏ cơ hội hình thành mẫu hình hai đáy nhỏ. Tín hiệu này gợi mở khả năng F1 sẽ quay lên vùng kháng cự đáng lưu ý quanh 1170 (+10). Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, chỉ số nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực rung lắc và quay đầu điều chỉnh trở lại sau đó.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở thăm dò từng phần vị thế SHORT tại các vùng kháng cự.
Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

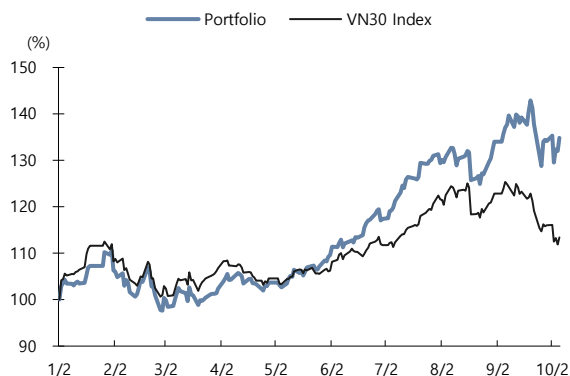
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.36%	2.13%
Tăng lũy kế (YTD)	13.39%	34.87%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/10/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Marinetime Bank (MSB)	05/09/2023	13,850	1.8%	-7.0%	- NIM lũy kế 4 quý đạt 4,26%, ổn định ở mức cao nhờ lợi thế về CASA và lãi suất cho vay - Tổng tín dụng tăng trưởng 13.2% YTD, outperform so với mức tăng của ngành là 2.06% - Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong 2023 đạt 17-20%
Coteccons (CTD)	02/10/2023	51,500	4.3%	7.7%	- Hạch toán doanh thu, lợi nhuận từ dự án LEGO vào cuối Quý 4/2023 - Lợi thế tiền mặt lớn so với các đối thủ khác - Nguồn backlog đảm bảo doanh thu
Kinh Bắc (KBC)	02/10/2023	31,650	2.8%	-2.0%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Tràn Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
PV Drilling (PVD)	01/08/2023	25,800	-0.2%	1.2%	- Nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong khi nguồn cung thắt chặt - Kỳ vọng cải thiện giá cước giàn JU - Kỳ vọng thị trường E&P nội địa sôi động hơn từ 2024
Dabaco (DBC)	05/09/2023	22,300	1.8%	-10.3%	- Giá thịt heo tiếp tục hồi phục về quanh 65-68,000 đồng/kg trong nửa cuối năm - Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong El Nino giúp biên LNG cải thiện - Kỳ vọng ghi nhận khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview
TNG Inv. & Trading (TNG)	05/09/2023	20,800	0.5%	3.0%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hướng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn Định
Hai An Transport (HAH)	05/09/2023	39,100	3.2%	9.4%	- Đà giảm giá cước vận tải kỳ vọng sẽ chậm lại và doanh thu từ đội tàu tiếp tục duy trì - Dự thảo đề xuất điều chỉnh giá sàn dịch vụ bốc dỡ tại cảng tăng 10% - HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND
Vinhomes (VHM)	02/10/2023	46,050	3.4%	0.7%	- Tiếp tục mở rộng quỹ đất tại các dự án ở Hải Phòng, Long An, Khánh Hòa - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ - Tiến độ mở bán các dự án quy mô nhỏ tiến triển tốt
PV Power (POW)	02/10/2023	11,200	2.8%	-4.7%	- Các nhà máy của POW hoàn thành sửa chữa và đại tu trong 2023 - Giá cổ phiếu chiết khấu sâu so với mức định giá
Petro Technical (PVS)	02/10/2023	36,800	1.1%	-2.9%	- Kỳ vọng mảng M&C dầu khí nội địa sôi động hơn từ 2024 - Lợi thế cạnh tranh trong mảng M&C năng lượng tái tạo

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIX	6.7%	8.5%	47.5
VNM	2.1%	55.2%	46.8
STB	3.5%	22.4%	36.8
HPG	0.2%	25.1%	30.4
SSI	4.1%	43.4%	24.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-0.1%	29.8%	-107.1
DPM	-1.4%	12.3%	-24.4
KDH	3.9%	35.1%	-17.3
NLG	0.2%	41.6%	-14.2
PLX	1.7%	17.3%	-14.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	2.2%	1.2%	11.5
SLS	1.8%	0.6%	0.7
PVG	2.1%	5.0%	0.7
LAS	3.9%	0.2%	0.6
CEO	1.1%	4.6%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PSI	2.1%	15.3%	-85.5
PVS	1.1%	20.5%	-2.8
DTD	-1.8%	0.7%	-2.0
NVB	0.0%	7.5%	-0.6
TVC	-6.7%	0.2%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	7.3%	VGC, BMP, SHI, DAG
Đồ gia dụng	5.7%	TTF, GDT, EVE, SAV
Ngành chưa phân loại	3.2%	CKG, PSH, NHH, ABS
Hóa chất	2.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Máy móc	1.9%	TCH, HHS, SRF, SHA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích khí	-7.1%	GAS, PGD, PMG
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-5.9%	PLX, PGC, CNG, GSP
Tiện ích điện	-5.5%	PGV, NT2, PPC, TTA
Kim loại & khai thác	-5.1%	HPG, HSG, NKG, KSB
Phụ tùng oto	-5.0%	DRC, CSM, PAC, TNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ gia dụng	5.9%	TTF, GDT, EVE, SAV
Sản phẩm xây dựng	3.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Tiện ích khí	1.4%	GAS, PGD, PMG
Hóa chất	0.9%	GVR, DGC, DPM, DCM
Vận tải hàng không & Logistics	0.4%	TMS, SCS, STG, ASG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-16.5%	PGV, NT2, PPC, TTA
Quản lý & phát triển bất động sản	-16.1%	VHM, VIC, NVL, BCM
Thương mại & phân phối	-15.5%	VPG, TSC, BTT, TNA
Đồ uống	-11.5%	SAB, BHN, SMB, SCD
Kim loại & khai thác	-9.9%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)		
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	739,697 (30.5)	22.5	51.7	58.2	14.7	3.6	3.6	1.5	1.5	0.8	-1.9	25.4	-14.6	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	332,161 (13.7)	26.6	5.9	5.4	35.9	20.6	18.7	1.1	1.0	3.4	1.2	17.6	-4.1	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	120,324 (5.0)	17.8	15.0	14.2	-7.6	11.9	11.4	1.7	1.6	2.4	5.2	-9.4	4.4	
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	699,588 (28.9)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.7	0.8	0.7	10.9	36.2	-0.7	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	44,318 (1.8)	11.6	24.4	21.6	13.7	8.2	8.2	1.8	1.7	3.9	-0.6	11.0	22.5	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	434,078 (17.9)	13.9	30.0	31.9	-	3.7	3.4	1.1	1.0	0.6	11.6	24.9	31.0	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	117,313 (4.8)	6.3	14.5	12.2	11.7	22.7	21.3	2.8	2.3	1.1	-2.4	-5.3	26.1	
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	48,648 (2.0)	12.7	10.7	8.5	-5.3	19.2	19.8	1.8	1.5	1.4	-4.8	10.8	9.3	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	171,447 (7.1)	0.0	5.9	4.7	14.3	15.5	16.8	0.9	0.7	0.8	-4.8	-8.9	24.0	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	195,943 (8.1)	1.4	7.9	6.5	50.3	16.7	17.5	1.1	0.9	2.1	-4.5	12.1	5.3	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	362,246 (14.9)	0.0	10.6	7.9	18.8	10.6	11.5	1.2	1.1	0.7	-3.5	-3.9	17.0	
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	222,672 (9.2)	0.0	4.9	4.1	14.6	22.5	22.7	1.1	0.9	0.6	-1.9	-5.7	22.1	
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	144,196 (5.9)	4.2	5.7	4.1	23.3	21.2	24.3	1.1	0.9	0.9	-1.4	-0.6	23.3	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	684,350 (28.2)	14.0	8.2	5.2	26.5	18.0	23.2	1.3	1.0	3.5	1.0	-6.4	37.6	
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	132,036 (5.4)	0.0	4.8	4.1	37.4	19.1	19.3	1.0	0.9	1.5	-5.9	14.9	11.1	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	160,332 (6.6)	0.2	15.4	9.3	27.3	10.4	15.7	1.4	1.2	2.4	-5.0	21.3	-13.6		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	26,833 (1.1)	21.0	16.4	15.5	15.8	9.3	9.4	1.5	1.4	0.0	-0.6	-8.2	-10.1	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	3,638 (0.2)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	0.6	-1.5	10.3	20.9	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,035,770 (42.7)	55.4	27.8	22.6	-3.2	8.1	9.7	2.2	2.2	4.1	3.6	-3.1	86.2	
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	259,838 (10.7)	71.9	24.7	18.4	-4.0	10.5	13.6	2.6	2.4	2.9	-5.5	17.9	67.7	
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	239,614 (9.9)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	2.9	-2.3	12.3	49.3	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	676,370 (27.9)	27.2	21.7	16.3	36.3	7.9	10.2	1.7	1.6	6.9	-0.5	12.9	54.8	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	194,525 (8.0)	42.1	18.9	16.1	4.0	28.9	31.8	5.4	5.5	2.1	0.0	-7.3	-2.5	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	46,714 (1.9)	36.9	19.4	17.6	7.3	19.4	19.7	3.5	3.1	0.1	-4.0	12.5	-16.6	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	154,519 (6.4)	16.5	56.0	30.7	-51.9	9.6	12.0	3.7	3.3	-0.1	-4.7	12.1	-21.8	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	12,122 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.8	0.8	-7.3	-7.9	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	110,282 (4.5)	11.0	55.6	25.5	-88.5	6.4	13.2	3.3	2.8	1.6	-2.3	-4.6	-11.4	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	113,690 (4.7)	10.8	9.7	17.4	-57.0	29.3	12.4	2.2	2.1	1.1	-2.0	1.6	43.2	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	236,179 (9.7)	38.4	35.6	22.7	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	-0.6	-7.3	23.2	38.8	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-	
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	579,991 (23.9)	37.7	23.9	16.0	-14.4	3.5	6.7	-	-	2.8	-2.2	18.6	64.1	
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	56,098 (2.3)	3.6	24.2	20.8	-52.4	2.1	1.8	0.6	0.7	4.3	7.7	2.5	108.7	
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	45,320 (1.9)	0.0	9.4	8.3	-4.5	14.7	15.2	1.3	1.2	0.3	-1.6	-3.0	0.0	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	58,785 (2.4)	46.1	15.0	14.2	-17.5	18.9	16.6	3.0	2.7	0.0	-7.2	-0.5	-0.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	23,337 (1.0)	31.4	11.4	9.2	-10.5	13.4	16.4	1.5	1.4	0.2	-1.2	16.4	-16.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,903 (0.1)	34.1	16.0	9.0	-5.1	5.9	10.3	0.9	0.8	-0.4	-1.1	-8.0	9.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	812,226 (33.5)	18.0	20.7	10.9	21.9	7.5	13.3	1.4	1.3	0.2	-5.1	14.0	38.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	160,118 (6.6)	36.5	11.7	8.2	-0.5	9.4	14.0	1.1	1.1	-1.4	3.1	0.5	-11.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	175,093 (7.2)	46.5	14.1	8.9	-4.5	12.0	17.6	1.5	1.4	1.1	7.5	9.7	32.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	312,638 (12.9)	38.9	-	19.9	67.9	1.1	5.8	1.1	1.0	2.2	-6.3	12.0	67.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	49,386 (2.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.2	-2.6	18.0	33.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	45,345 (1.9)	4.6	14.4	12.9	-51.0	12.6	12.4	1.7	1.6	1.7	-6.7	10.9	10.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	119,711 (4.9)	39.9	36.1	21.9	-11.9	4.4	7.3	1.0	1.0	-0.2	0.0	-1.0	44.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	148,499 (6.1)	35.9	9.5	9.2	2.2	15.3	14.2	1.3	1.2	3.4	-2.5	16.2	25.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	402,220 (16.6)	0.0	59.4	17.1	14.4	3.2	14.9	2.9	2.6	2.8	-8.2	12.2	12.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	46,184 (1.9)	0.0	14.5	12.4	2.4	20.3	21.1	2.8	2.4	0.3	-1.0	-3.8	-13.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,285 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	7.0	28.0	14.6	71.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	78,416 (3.2)	30.3	-	28.1	-75.2	12.4	23.8	6.5	5.3	3.3	9.6	15.0	62.5
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,213 (1.0)	34.6	13.4	16.6	41.2	15.2	12.2	1.9	1.9	1.9	2.4	-5.4	23.2
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,621 (0.1)	45.4	13.6	12.7	10.7	25.4	23.8	3.1	2.7	0.7	0.4	-3.7	38.4
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	252,984 (10.4)	0.0	19.5	15.6	15.5	26.8	28.5	4.8	4.7	1.2	-0.1	-6.4	38.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

